

dụng cho anh Phan Tuấn T3, cụ thể như sau: Theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 732/19MN/HĐTD ngày 09/01/2019 (sau đây viết tắt là Hợp đồng số 732), Ngân hàng cho anh T3 vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 15%/năm, mục đích vay tiêu dùng, anh T3 có nghĩa vụ trả dần nợ gốc và lãi vào ngày 09 hàng tháng, trong đó: nợ gốc phải trả của mỗi kỳ trả nợ là 1.380.000 đồng và nợ gốc phải trả của kỳ trả nợ cuối cùng là 1.700.000 đồng. Ngoài ra, theo đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/01/2019, Ngân hàng cấp tín dụng cho anh T3 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó anh T3 không thực hiện trả nợ gốc và lãi định kỳ theo thỏa thuận; đến thời điểm khởi kiện (20/7/2020) anh T3 còn nợ Ngân hàng 02 khoản nợ sau: (i) khoản nợ Hợp đồng số 732: nợ gốc 34.080.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.581.872 đồng và nợ lãi quá hạn 820.174 đồng; (ii) khoản nợ thẻ tín dụng (theo đề nghị cấp thẻ ngày 07/01/2019): nợ gốc 1.850.000 đồng và nợ lãi trong hạn 3.190.838 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Thiện đã trả thêm được 02 lần (vào ngày 11/3/2021 và 10/6/2021) số tiền 10.000.000 đồng và được Ngân hàng tính trừ vào khoản nợ gốc; đồng thời, đến ngày 27/6/2022 mẹ của anh T3 (là bà Ngô Thị H) đã trả thêm cho Ngân hàng 10.000.000 đồng và cũng được trừ vào nợ gốc. Tính đến thời điểm ngày 27/7/2022, anh T3 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc của cả 02 khoản nợ là 15.930.000đ, nợ lãi trong hạn là 6.616.285đ, nợ lãi quá hạn là 9.423.333đ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Phan Tuấn T3 phải trả số nợ gốc là 15.930.000 đồng, đồng thời phải trả nợ lãi tính đến ngày 27/7/2022, trong đó: nợ lãi trong hạn là 6.616.285 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.423.333 đồng; tổng cộng là 31.969.618 đồng. Ngoài ra, yêu cầu bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 732 kể từ ngày 28/7/2022 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

** Bị đơn anh Phan Tuấn T3 vắng mặt trong tất cả các buổi triệu tập làm việc của Tòa án nên không có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật; trong quá trình giải quyết vụ án có giai đoạn Tòa án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về pháp luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Tòa án áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS); Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Phan Tuấn T3 trả số tiền nợ gốc là 15.930.000 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng. Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Phan Tuấn T3 trả tiền vì vi phạm hợp đồng tín dụng vay tiêu dùng nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó Ngân hàng là nguyên đơn, anh T3 là bị đơn và có nơi đăng ký thường trú tại huyện CM nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện CM.

Đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng (anh Phạm Ngọc T2) vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì nguyên nhân khách quan, không vì sự kiện bất khả kháng nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc anh Phan Tuấn T3 trả số tiền nợ gốc là 15.930.000 đồng: Theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 732/19MN/HĐTD thì ngày 09/01/2019 anh Phan Tuấn T3 được Ngân hàng cho giải ngân vay số tiền 50.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 16/01/2019 anh T3 tiếp tục được Ngân hàng cho giải ngân 20.000.000 đồng theo đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/01/2019. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng trên, do anh T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc định kỳ và lãi suất nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ trước thời hạn theo Điều 5 của Hợp đồng số 732. Tại thời điểm khởi kiện khoản tiền gốc mà anh T3 nợ theo Hợp đồng số 732 là 34.080.000 đồng và theo đề nghị cấp thẻ tín dụng là 1.850.000 đồng; tổng cộng nợ gốc là 35.930.000 đồng. Theo bản tường trình ngày 27/7/2022 của đại diện nguyên đơn và phiếu chiết tính thu nợ vay ngày 27/7/2022 thì sau khi Ngân hàng khởi kiện anh T3 và mẹ anh T3 là bà Ngô Thị H đã trả 03 lần với số tiền 20.000.000 đồng và đã được Ngân hàng chấp nhận cho trừ vào khoản nợ gốc. Như vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đòi anh T3 trả khoản tiền nợ gốc 15.930.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu về phần lãi suất của Ngân hàng nhận thấy: Theo Điều 2 của Hợp đồng số 732 anh T3 và Ngân hàng thỏa thuận mức lãi suất vay trong hạn là 15%/năm và lãi suất quá hạn là 150% x lãi suất vay trong hạn = 22,5%/năm; mức lãi này phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng (hợp nhất năm 2017), Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu trên của Ngân hàng về việc buộc anh T3 phải trả lãi trong hạn và lãi quá hạn cho đến thời điểm 27/7/2022 là 16.039.618 đồng.

Ngoài ra, anh T3 còn phải chịu lãi suất quá hạn đối với số tiền gốc chậm thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã ký kết trong Hợp đồng số 732, kể từ ngày 28/7/2022 (ngày xét xử sơ thẩm).

[5] Về án phí: Án phí trong vụ án là: (15.930.000 đồng + 16.039.618 đồng) x 5% = 1.598.481 đồng (làm tròn là 1.598.000 đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí này.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về đường lối giải quyết vụ án phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 165, 227, 228 của BLTTDS; các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Phan Tuấn T3 phải trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 31.969.618 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm mười tám đồng), trong đó: nợ gốc là 15.930.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.616.285 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.423.333 đồng.

Kể từ ngày 28/7/2022 anh Phan Tuấn T3 còn phải chịu lãi suất đối với số tiền gốc chậm thanh toán theo mức lãi suất quá hạn trong hợp đồng số: 732/19MN/HĐTD ngày 09/01/2019.

2. Về án phí: anh Phan Tuấn T3 phải chịu 1.598.000 (Một triệu năm trăm chín mươi tám nghìn) đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh 1.088.000 (Một triệu không trăm tám mươi tám nghìn) đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002171 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Hà Thế Nam